

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN  
CÔNG TY TNHH MTV  
MST: 0 3 0 3 1 5 8 1 5 5**

## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
2.	<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
3.	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
	- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
	- Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2020.

### **1- Khái quát về Công ty**

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/10/2013, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 07/09/2015 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Hoạt động in ấn: in trên giấy, bao bì, văn hóa phẩm các loại (báo chí, vé số, nhãn hàng hóa, sách giáo khoa). Kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, phụ tùng, trang thiết bị ngành in. Sản xuất, sửa chữa, bảo trì, tân trang và kinh doanh các máy móc cơ khí ngành in. Đúc chữ, chế bản in. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm băng từ, đĩa hình như băng cassette, băng video, đĩa CD, VCD. Kinh doanh vật phẩm văn hóa các loại. Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mỹ thuật như gỗ chạm, sơn mài, gốm sứ,... Sản xuất phim nhựa, phim video các thể loại. Hoạt động chiếu bóng và phát hành phim. Sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nhiếp ảnh như giấy ảnh, phim chụp, máy ảnh, dịch vụ chụp hình. Xuất nhập khẩu các sản phẩm văn hóa. Hoạt động quảng cáo và dịch vụ quảng cáo. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác. Hoạt động in ấn: in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. Gia công cắt giấy cuộn. Vận chuyển máy móc thiết bị cơ khí ngành in. Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hàng điện tử, kim khí điện máy. Sản xuất đĩa DVD (có nội dung được phép lưu hành), linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc. Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán quần áo may sẵn trẻ em, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, đồ nhựa các loại, thủy tinh các loại. Mua bán, sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình, thiết bị văn phòng. Sản xuất mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, chất tẩy rửa tại trụ sở). Mua bán rượu, bia, bánh kẹo, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý ký gửi hàng hóa. Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại Tp. Hồ Chí Minh). Phục vụ cả phê sách – tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp – nhạc jazz và nhạc dân gian Việt Nam (hoạt động tại số 28 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q.1). Bán tranh hội họa. Xuất bản các xuất bản phẩm theo quyết định số 01/QĐ-BVHTT ngày 04/01/2005 của Bộ Văn Hóa Thông Tin. Thiết kế tạo mẫu. Cho thuê văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Nhà hàng ăn uống (tại số 40 Ngô Đức Kế, P. Bến Nghé, Q.1, không kinh doanh rượu).

Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành). Kinh doanh khách sạn (phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh khách sạn tại trụ sở). Xây dựng nhà các loại. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Hoạt động phục vụ hôn lễ (trừ môi giới kết hôn).

Trụ sở chính của Công ty: 88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty con: Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

### **Các chi nhánh trực thuộc:**

- Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn
- Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In Tp. Hồ Chí Minh
- Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
- Trung tâm văn hóa Tân Định
- Cây sứ quán Phong Cua
- Cửa hàng ảnh màu photo Lập
- Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc nêu trên.



## TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV và công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

### 2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:

- TK USD số 6222201001057 tại Agribank - CN Quận 5
- TK JPY số 6222201001483 tại Agribank - CN Quận 5
- TK EUR số 6222201006832 tại Agribank - CN Quận 5
- TK VND số 6222201132243 tại Agribank - CN Quận 5
- TK VND số 6222201001011 tại Agribank - CN Quận 5
- TK VND số 2011103226006 tại Mbbank - CN Bắc Sài Gòn
- TK VND số 102010000103765 tại Vietinbank - CN1 HCM
- TK USD số 102020000012972 tại Vietinbank - CN1 HCM
- TK VND số 0687041054999 tại Bản Việt bank - Trụ sở chính
- TK VND số 0010106186710002 tại SCBbank - CN Cống Quỳnh
- TK VND số 14510000040126 tại BIDV - CN 30/04
- TK VND số 6222201009401 tại NH NN & PT Nông Thôn - CN Quận 5
- TK VND số 0020100000095002 tại NH TMCP Phương Đông - CN Bến Thành
- TK VND số 1114000034026 tại Ngân hàng VietinBank - CN Nam Sài Gòn
- TK VND số 6222201002095 tại Ngân hàng Agribank - CN Quận 5
- TK VND số 6222630031460 tại Ngân hàng Agribank - CN Quận 5

### 3- Các sự kiện trong năm tài chính , các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có

### 4- Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Các thành viên Hội đồng thành viên đang tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông: Nguyễn Hồng Hà Chủ tịch HĐQT  
Ông: Trương Văn Hiền Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trương Văn Hiền Tổng giám đốc  
Ông: Nguyễn Văn Hoạch Phó Tổng giám đốc  
Ông: Nguyễn Văn Minh Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm Soát đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Phan Thị Mỹ Ngân Kiểm soát viên

### 5- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2020 (Đơn vị tính : VND)

- Tổng thu nhập	:	222.109.351.667
- Các khoản giảm trừ doanh thu	:	13.709.400
- Tổng chi phí và giá vốn	:	221.275.512.081
- Lãi/(lỗ) trước thuế	:	820.130.186
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	-
- Lãi/(lỗ) sau thuế	:	820.130.186

## TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

### 6- Kiểm toán viên

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán được lựa chọn và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty trong những năm tiếp theo.

### 7- Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Kể từ ngày báo cáo kiểm toán được phát hành, ban giám đốc có trách nhiệm xem xét những ý kiến đóng góp của công ty kiểm toán trên thư quản lý đính kèm báo cáo kiểm toán này.

Ban giám đốc công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc



Trương Văn Hiến

Ngày 19 tháng 03 năm 2021



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3589 7462/ 63 - (84.28) 2216 4309

Fax: (84.28) 3589 7464

Email: [kiemtoantdk@gmail.com](mailto:kiemtoantdk@gmail.com)

Website: [www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn](http://www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn)

Số: 11320/TDK-KT

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 từ 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020  
của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn  
Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập ngày 05/03/2021 từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Trụ sở chính : Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tel: 024.4450 0668 Fax: 024.4450 0669

Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.3589 7462 Fax: 028.35897464

Chi nhánh Đồng Nai : E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Tel: 0251.3918 769 Fax: 0251.3918 767

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.365 1818 Fax: 236 365 1868

Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Tel: 024.3540.9439 Fax: 024.3540 4439

Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 0205.3718 545 Fax: 0205.3716 264



### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do hạn chế từ phía Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV, chúng tôi đã chưa thể thu thập đầy đủ thư xác nhận công nợ của Công ty. Ngoài ra, chúng tôi không thể sử dụng các biện pháp thay thế khác để khẳng định tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2020. Vì vậy, chúng tôi chỉ kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở chứng từ, sổ sách và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGUYỄN CÔNG THIỆN**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0221-2018-045-1



**NGUYỄN VÕ HƯNG THỊNH**

Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2826-2020-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long - TDK



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>275.292.885.553</b>	<b>292.239.232.843</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>36.564.683.780</b>	<b>34.791.764.260</b>
1. Tiền	111		21.064.683.780	19.291.764.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.500.000.000	15.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>170.830.166.004</b>	<b>184.343.339.063</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	124.944.425.925	138.301.902.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05	4.550.171.940	3.821.580.253
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	45.739.999.011	46.624.287.076
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(4.404.430.872)	(4.404.430.872)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>55.730.693.227</b>	<b>52.171.378.411</b>
1. Hàng tồn kho	141		57.920.361.223	54.361.046.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.189.667.996)	(2.189.667.996)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.167.342.542</b>	<b>10.932.751.109</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.366.767.801	8.844.698.648
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	958.061.225
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	800.574.741	1.129.991.236
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>880.811.528.366</b>	<b>963.240.211.283</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>153.624.622.882</b>	<b>232.618.862.516</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	84.646.950	84.646.950
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.05	18.087.965.905	21.070.020.326
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.06	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	135.452.010.027	211.464.195.240
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>518.722.399.826</b>	<b>538.698.881.155</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	518.634.958.102	538.698.881.155
- Nguyên giá	222		689.462.288.660	689.207.743.206
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(170.827.330.558)	(150.508.862.051)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	87.441.724	-
- Nguyên giá	228		148.885.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(61.443.276)	(60.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.830.254.003</b>	<b>8.830.254.003</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	8.830.254.003	8.830.254.003
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>130.416.660.646</b>	<b>130.116.660.646</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		114.565.470.646	114.565.470.646
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.751.190.000	15.751.190.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(500.000.000)	(500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		600.000.000	300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.217.591.009</b>	<b>52.975.552.963</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	69.217.591.009	52.975.552.963
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
Lợi thế thương mại			-	-
Hao mòn lũy kế lợi thế thương mại			-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.156.104.413.919</b>	<b>1.255.479.444.126</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>726.152.556.102</b>	<b>815.619.664.031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.070.834.652</b>	<b>135.033.584.929</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	30.209.655.138	44.717.182.508
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	5.344.038.931	2.741.341.597
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	488.717.263	1.060.413.468
4. Phải trả người lao động	314		3.919.998.911	4.214.820.146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		33.000.000	23.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.388.446.488	12.685.794.260
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	68.537.641.976	65.370.175.053
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.149.335.945	4.220.857.897
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>611.081.721.450</b>	<b>680.586.079.102</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		34.200.000	34.200.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	161.134.005.874	163.339.506.738
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	448.490.185.628	515.629.096.048
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		(29.328.000)	(29.328.000)
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.452.657.948	1.612.604.316

8-007  
LÀNH  
HÀNH  
CÔNG TY TNHH  
VĂN HÓA SÀI GÒN  
LÔNG  
K  
HỒ CH...

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

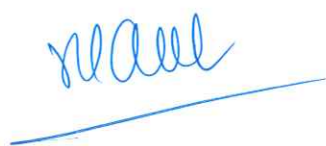
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>429.951.857.817</b>	<b>439.859.780.095</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>429.951.857.817</b>	<b>439.859.780.095</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		394.167.633.424	394.167.633.424
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		263.230.853	263.230.853
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		43.648.905.002	43.648.905.002
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.127.911.462)	1.780.010.816
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.156.104.413.919</b>	<b>1.255.479.444.126</b>

Ngày 05 tháng 03 năm 2021

Kế Toán Trưởng



HUYỀN THANH TƯỜNG KHANH

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>203.342.575.804</b>	<b>330.286.156.082</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.709.400	262.870.029
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>203.328.866.404</b>	<b>330.023.286.053</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	143.542.220.042	242.830.702.204
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>59.786.646.362</b>	<b>87.192.583.849</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.317.270.091	2.818.347.057
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5.724.069.977	5.762.177.602
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.724.069.977	4.817.518.896
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				
9. Chi phí bán hàng	25	VI.07	13.183.704.252	16.214.604.579
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	58.431.593.135	65.102.781.578
<b>11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(14.235.450.911)</b>	<b>2.931.367.147</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.05	15.449.505.772	19.723.603.613
13. Chi phí khác	32	VI.06	393.924.675	873.258.209
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>15.055.581.097</b>	<b>18.850.345.404</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>820.130.186</b>	<b>21.781.712.551</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	1.731.659.391
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>820.130.186</b>	<b>20.050.053.160</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	70			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71			

Ngày 05 tháng 03 năm 2021

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		171.501.836.481	211.249.832.457
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(109.702.745.164)	(162.748.977.390)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.695.939.285)	(23.593.937.396)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.871.725.261)	(4.737.465.082)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(877.559.408)	(3.886.489.457)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		56.487.074.288	110.409.165.222
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(91.870.115.002)	(174.886.622.141)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.029.173.351)</b>	<b>(48.194.493.787)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.393.154.046)	(22.613.864.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	80.345.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.143.233.897	18.120.331.295
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>12.750.079.851</b>	<b>(4.413.187.581)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		66.223.322.085	152.043.759.725
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.176.681.050)	(98.511.985.889)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.014.310.265)	(14.018.548.897)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.967.669.230)</b>	<b>39.513.224.939</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

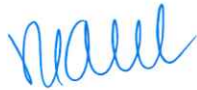
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.753.237.270	(13.094.456.429)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.791.764.260	47.886.220.689
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.682.250	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		36.564.683.780	34.791.764.260

Ngày 05 tháng 03 năm 2021

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN